

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 5510303

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	54
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	24
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MH 09	Khí cụ điện	2
MH 10	Lý thuyết mạch	3
MH 11	Kỹ thuật điện tử 1	3
MH 12	Kỹ thuật điện tử 2	4
MH 13	Máy điện	2
MH 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MH 15	Vẽ kỹ thuật	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	21
MH 16	Điện tử công suất	2
MH 17	Trang bị điện	2
MH 18	PLC	3
MH 19	Thiết kế mạch điện tử	3
MH 20	Vi điều khiển	2
MH 21	Kỹ thuật Audio - video	2
MH 22	Thực tập máy điện	2
MH 23	Thực tập trang bị điện	3
MH 24	Thực tập điện cơ bản	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 25	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	66

Tổng 66 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG
2. **Mã ngành, nghề:** 5520223
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	47
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MH 09	Khí cụ điện	2
MH 10	Lý thuyết mạch	3
MH 11	Kỹ thuật điện tử	2
MH 12	Máy điện	2
MH 13	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MH 14	Vẽ kỹ thuật	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	19
MH 15	Điện tử công suất	2
MH 16	Trang bị điện	2
MH 17	PLC	3
MH 18	Cung cấp điện	3
MH 19	Thực tập điện cơ bản	2
MH 20	Thực tập máy điện	2
MH 21	Thiết bị điện gia dụng	2
MH 22	Thực tập trang bị điện	3
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 23	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	59

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
--------------	---------------------	------------

Tổng 59 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** ĐIỆN CÔNG NGHIỆP
2. **Mã ngành, nghề:** 5520227
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	46
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MH 09	Khí cụ điện	2
MH 10	Lý thuyết mạch	3
MH 11	Kỹ thuật điện tử	2
MH 12	Máy điện	2
MH 13	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MH 14	Vẽ kỹ thuật	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	18
MH 15	Điện tử công suất	2
MH 16	Trang bị điện	2
MH 17	PLC	3
MH 18	Cung cấp điện	3
MH 19	Thực tập điện cơ bản	2
MH 20	Thực tập máy điện	3
MH 21	Thực tập trang bị điện	3
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 22	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	58

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
--------------	---------------------	------------

Tổng 58 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bì.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG

2. Mã ngành, nghề: 5510305

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	46
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MH 09	Khí cụ điện	2
MH 10	Lý thuyết mạch	3
MH 11	Kỹ thuật điện tử	2
MH 12	Máy điện	2
MH 13	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MH 14	Vẽ kỹ thuật	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	18
MH 15	Điện tử công suất	2
MH 16	Trang bị điện	2
MH 17	Hệ thống điều khiển tự động	2
MH 18	PLC	3
MH 19	Thực tập điện cơ bản	2
MH 20	Vi điều khiển	2
MH 21	Thực tập máy điện	2
MH 22	Thực tập trang bị điện	3
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 23	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
	Tổng (I+II):	58

Tổng 58 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ
2. **Mã ngành, nghề:** 5520205
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	58
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	19
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vẽ kỹ thuật	2
MH 09	Kỹ thuật điện	2
MH 10	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hòa không khí	4
MH 11	Máy điện	2
MH 12	Trang bị điện lạnh	3
MH 13	Kỹ thuật điện tử	3
MH 14	Điện tử công suất	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	30
MH 15	Đo lường điện - lạnh	3
MH 16	Lạnh cơ bản	3
MH 17	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	4
MH 18	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ	3
MH 19	Thực tập máy điện	2
MH 20	Thực tập trang bị điện	2
MH 21	Thực tập lạnh cơ bản	3
MH 22	Thực tập máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	4
MH 23	Thực tập hệ thống điều hòa không khí cục bộ	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 24	Thực tập hàn	2
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 25	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	70

Tổng 70 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG
2. Mã ngành, nghề: 5520224
3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	44
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>14</i>
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Lý thuyết mạch	2
MH 09	Linh kiện điện tử	2
MH 10	Đo lường Điện tử	2
MH 11	Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MH 12	Kỹ thuật xung - số	2
MH 13	Thiết kế mạch điện tử	3
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>21</i>
MH 14	PLC	3
MH 15	Vi điều khiển	2
MH 16	Điện tử công suất	2
MH 17	Hệ thống âm thanh	2
MH 18	Thực tập Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MH 19	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MH 20	Thực tập Vi điều khiển	2
MH 21	Thực tập Thiết bị điện - điện tử	2
MH 22	Thực tập linh kiện điện tử	2
MH 23	Hệ thống viễn thông	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	56

Tổng 56 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 5520225

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	42
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>14</i>
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Lý thuyết mạch	2
MH 09	Linh kiện điện tử	2
MH 10	Đo lường điện tử	2
MH 11	Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MH 12	Kỹ thuật xung - số	2
MH 13	Thiết kế mạch điện tử	3
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>19</i>
MH 14	Điện tử công suất	2
MH 15	PLC	3
MH 16	Vi điều khiển	2
MH 17	Thực tập linh kiện điện tử	2
MH 18	Thực tập kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MH 19	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MH 20	Thực tập Vi điều khiển	2
MH 21	Hệ thống viễn thông	2
MH 22	Thực tập Thiết bị điện - điện tử	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	<i>9</i>

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 23	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	54

Tổng 54 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, TRUYỀN THÔNG

2. Mã ngành, nghề: 5510312

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	54
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>12</i>
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Linh kiện điện tử	2
MH 09	Đo lường Điện tử	2
MH 10	Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MH 11	Kỹ thuật xung - số	2
MH 12	Thiết kế mạch Điện tử	3
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>33</i>
MH 13	Vi điều khiển	2
MH 14	Mạng máy tính	4
MH 15	Thông tin quang	3
MH 16	Kỹ thuật Audio và Video	2
MH 17	Mô phỏng hệ thống truyền thông	2
MH 18	Thiết kế mô phỏng Anten	2
MH 19	Hệ thống viễn thông	2
MH 20	Kỹ thuật truyền số liệu	2
MH 21	Thực tập Linh kiện điện tử	2
MH 22	Thực tập Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MH 23	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MH 24	Thực tập Vi điều khiển	2
MH 25	Thực tập KT Audio và Video	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 26	Thực tập Điện cơ bản	2
MH 27	Thực tập truyền dẫn	2
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 28	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	66

Tổng 66 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình).

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)
2. **Mã ngành, nghề:** 5480202
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	51
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	14
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Lập trình căn bản	3
MH 09	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
MH 10	Kiến trúc máy tính	2
MH 11	Cơ sở dữ liệu	2
MH 12	Mạng máy tính	4
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	28
MH 13	Lập trình hướng đối tượng	4
MH 14	Phân tích thiết kế hệ thống	4
MH 15	Thiết kế và lập trình web	4
MH 16	Coreldraw	4
MH 17	Photoshop	4
MH 18	Thiết kế và lập trình Flash	4
MH 19	Thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính	2
MH 20	Thực hành Xây dựng ứng dụng quản lý bán hàng	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 21	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	63

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
--------------	---------------------	------------

Tổng 63 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIN HỌC ỨNG DỤNG
2. Mã ngành, nghề: 5480205
3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	57
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>14</i>
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Lập trình căn bản	3
MH 09	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
MH 10	Kiến trúc máy tính	2
MH 11	Cơ sở dữ liệu	2
MH 12	Mạng máy tính	4
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	<i>34</i>
MH 13	Lập trình hướng đối tượng	4
MH 14	Phân tích thiết kế hệ thống	4
MH 15	Coreldraw	4
MH 16	Photoshop	4
MH 17	Lập trình Python	4
MH 18	Kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao	4
MH 19	Excel nâng cao	3
MH 20	Thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính	2
MH 21	Thực hành xử lý sự cố máy tính	2
MH 22	Thực hành Xây dựng ứng dụng quản lý bán hàng	2
MH 23	Bài tập lớn chuyên ngành	1
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	<i>9</i>
MH 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	69

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
-----------	---------------------	------------

Tổng 69 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH
2. **Mã ngành, nghề:** 5480102
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	46
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Lập trình căn bản	3
MH 09	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
MH 10	Cơ sở dữ liệu	2
MH 11	Kiến trúc máy tính	2
MH 12	Đo lường điện tử	3
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	24
MH 13	Phân tích thiết kế hệ thống	4
MH 14	Mạng máy tính	4
MH 15	Sửa chữa mainboard	4
MH 16	Sửa chữa bộ nguồn máy tính	3
MH 17	Sửa chữa màn hình	3
MH 18	Thực hành Lắp ráp và cài đặt máy tính	2
MH 19	Thực hành Xử lý sự cố máy tính	2
MH 20	Thực hành Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 21	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	58

Tổng 58 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** TRUYỀN THÔNG VÀ MẠNG MÁY TÍNH
2. **Mã ngành, nghề:** 5480104
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	46
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	16
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn mạng	3
MH 09	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
MH 10	Kỹ thuật điện tử	2
MH 11	Cơ sở dữ liệu	2
MH 12	Mạng máy tính	4
MH 13	Kiến trúc máy tính	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	21
MH 14	Quản trị mạng	3
MH 15	Bảo trì hệ thống mạng	3
MH 16	Phân tích thiết kế hệ thống	4
MH 17	Thông tin quang	3
MH 18	Kỹ thuật audio video	2
MH 19	Thực hành lắp ráp và cài đặt máy tính	2
MH 20	Thực tập truyền dẫn	2
MH 21	Thực tập kỹ thuật audio và video	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 22	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	58

Tổng 58 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CƠ KHÍ CHẾ TẠO

2. Mã ngành, nghề: 5520117

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vật liệu cơ khí	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
MH 13	Chi tiết máy	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	33
MH 14	Nguyên lý cắt	2
MH 15	Máy cắt kim loại	2
MH 16	Đồ gá	2
MH 17	Công nghệ chế tạo máy	4
MH 18	Thực tập Nguội	2
MH 19	Thực tập Hàn	2
MH 20	Phay, bào mặt phẳng	3
MH 21	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	1
MH 22	Phay bánh răng trụ răng thẳng	1
MH 23	Tiện trụ ngoài	3
MH 24	Tiện lỗ	1
MH 25	Tiện côn	1
MH 26	Tiện lệch tâm, tiện định hình	1
MH 27	Tiện ren tam giác	2
MH 28	Tiện ren vuông	1
MH 29	Tiện ren thang	1
MH 30	Thực tập Tiện CNC	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 31	Thực tập Phay CNC	2
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 32	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	67

Tổng 67 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: HÀN

2. Mã ngành, nghề: 5520123

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	49
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	11
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vật liệu cơ khí	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	29
MH 13	Công nghệ Hàn	3
MH 14	Thiết bị hàn	3
MH 15	Kết cấu hàn	2
MH 16	Lý thuyết khai triển	2
MH 17	Chế tạo phôi hàn	1
MH 18	Hàn vị trí 1G (PA) bằng hồ quang tay	2
MH 19	Hàn vị trí 1F bằng hồ quang tay	2
MH 20	Hàn gấp mép bằng hồ quang tay	1
MH 21	Hàn vị trí 2G (PC), 2F bằng hồ quang tay	2
MH 22	Hàn vị trí 3G (PG), 3F bằng hồ quang tay	2
MH 23	Hàn vị trí 4G (PE), 4F bằng hồ quang tay	2
MH 24	Hàn MIG, MAG cơ bản	2
MH 25	Hàn TIG cơ bản	2
MH 26	Hàn, cắt bằng ngọn lửa khí	2
MH 27	Hàn tiếp xúc (Hàn điện trở)	1
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 28	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	61

Tổng 61 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình).

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ ÔTÔ
2. Mã ngành, nghề: 5510216
3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	54
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	11
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vật liệu cơ khí	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	34
II.2.1	Các môn học bắt buộc	32
MH 13	Kết cấu động cơ đốt trong	2
MH 14	Kết cấu khung gầm ô tô	2
MH 15	Hệ thống điện động cơ - điện thân xe	2
MH 16	Lý thuyết sửa chữa ô tô	2
MH 17	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
MH 18	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng bộ phận cố định và cơ cấu trục khuỷu thanh truyền	4
MH 19	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	2
MH 20	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bôi trơn - làm mát	2
MH 21	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2
MH 22	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel.	2
MH 23	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện động cơ	3
MH 24	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện thân xe	2
MH 25	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống truyền lực	3
MH 26	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống treo - lái phanh	2
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 01 trong 04 môn học)	2
MH 27	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống phun xăng điện tử	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 28	Thực tập sơn ô tô	2
MH 29	Thực tập gò, hàn ô tô	2
MH 30	Thực tập bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	2
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 31	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	66

Tổng 66 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 5340302

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	57
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	2
MH 09	Nguyên lý kế toán	4
MH 10	Nguyên lý thống kê	2
MH 11	Marketing căn bản	2
MH 12	Tài chính tiền tệ	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	35
MH 13	Tài chính doanh nghiệp	3
MH 14	Kế toán doanh nghiệp 1	4
MH 15	Kế toán doanh nghiệp 2	4
MH 16	Thuế	3
MH 17	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
MH 18	Kế toán máy	2
MH 19	Kế toán hành chính sự nghiệp	2
MH 20	Thực hành Kế toán doanh nghiệp	6
MH 21	Thực hành Kế toán máy	3
MH 22	Thực hành Kế toán hành chính sự nghiệp	4
MH 23	Thị trường chứng khoán	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	69

Tổng 69 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
2. **Mã ngành, nghề:** 5340122
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	62
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	2
MH 09	Marketing điện tử	3
MH 10	Pháp luật thương mại điện tử	2
MH 11	Thương mại điện tử căn bản	3
MH 12	Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ họa	3
MH 13	Tiếng Anh thương mại điện tử	2
MH 14	Mạng máy tính	4
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	33
MH 15	Kỹ thuật nghiệp vụ thương mại	3
MH 16	Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong Thương mại điện tử	3
MH 17	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	4
MH 18	Tài chính - Ngân hàng	2
MH 19	Khai báo hải quan điện tử	3
MH 20	Quản trị mạng	3
MH 21	Kinh tế thương mại	3
MH 22	Chăm sóc khách hàng	2
MH 23	Khởi sự kinh doanh	2
MH 24	Thiết kế và lập trình website thương mại	3
MH 25	Thực hành Giao dịch B2B, B2C, C2C	5
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 26	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
	Tổng (I+II):	74

***Tổng 74 tín chỉ** (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** MAY THỜI TRANG
2. **Mã ngành, nghề:** 5540205
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	53
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	9
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu may	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật ngành may	2
MH 10	Thiết bị và an toàn ngành may	2
MH 11	Quản lý chất lượng sản phẩm may	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	35
MH 12	Thiết kế quần âu, áo sơ mi nam nữ	3
MH 13	Thiết kế áo jacket	2
MH 14	Thiết kế váy, áo váy	2
MH 15	Công nghệ sản xuất	4
MH 16	May áo sơ mi nam, nữ	6
MH 17	May quần âu nam, nữ	6
MH 18	May áo jacket	5
MH 19	May váy, áo váy	2
MH 20	May sản phẩm nâng cao	5
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 21	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	65

Tổng 65 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG TRUNG QUỐC

2. Mã ngành, nghề: 5220209

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	53
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	5
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 09	Tiếng Việt thực hành	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	42
II.2.1	<i>Các môn học bắt buộc</i>	40
MH 10	Nghe, nói tiếng Trung 1	4
MH 11	Đọc, viết tiếng Trung 1	4
MH 12	Hán ngữ tổng hợp 1	3
MH 13	Nghe, nói tiếng Trung 2	4
MH 14	Đọc, viết tiếng Trung 2	4
MH 15	Hán ngữ tổng hợp 2	3
MH 16	Dịch nói 1	4
MH 17	Dịch viết 1	4
MH 18	Lý thuyết dịch	2
MH 19	Đất nước học	3
MH 20	Ngữ pháp	2
MH 21	Từ vựng	3
II.2.2	<i>Các môn học tự chọn: (Chọn 01 trong 02 môn học)</i>	2
MH 22	Tiếng Trung du lịch	2
MH 23	Tiếng Trung thương mại	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	6
MH 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
	Tổng (I+II):	65

***Tổng 65 tín chỉ** (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** CẮT GOT KIM LOẠI
2. **Mã ngành, nghề:** 5520121
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Vật liệu cơ khí	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	38
MH 12	Nguyên lý cắt	2
MH 13	Đồ gá	2
MH 14	Máy cắt kim loại	2
MH 15	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2
MH 16	Thực tập Nguội	2
MH 17	Thực tập Hàn	2
MH 18	Phay, bào mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng	3
MH 19	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	2
MH 20	Phay, bào rãnh đuôi én	1
MH 21	Phay bánh răng trụ răng thẳng	2
MH 22	Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài	3
MH 23	Tiện lỗ	2
MH 24	Tiện côn	1
MH 25	Tiện lệch tâm, tiện định hình	1
MH 26	Tiện ren tam giác	2
MH 27	Tiện ren vuông	1
MH 28	Tiện ren thang	1
MH 29	Thực tập Tiện CNC	3
MH 30	Thực tập Phay CNC	3
MH 31	Thực tập EDM & Wirecut	1
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	9
MH 32	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	67

Tổng 67 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bì

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** NGƯỜI SỬA CHỮA MÁY CÔNG CU
2. **Mã ngành, nghề:** 5520126
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Vật liệu cơ khí	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	38
MH 12	Công nghệ sửa chữa máy công cụ	2
MH 13	Máy cắt kim loại	2
MH 14	Lý thuyết chuyên môn Nghề	3
MH 15	Thực tập Hàn	2
MH 16	Thực tập Tiện-phay-bào	2
MH 17	Lựa chọn phương án công nghệ và vạch dấu chi tiết cần sửa chữa	1
MH 18	Gia công các chi tiết cần sửa chữa bằng dụng cụ cầm tay	8
MH 19	Gia công các chi tiết cần sửa chữa có sự hỗ trợ của máy	3
MH 20	Tháo, lắp máy có độ phức tạp R<10	4
MH 21	Tháo, lắp máy có độ phức tạp R>10	4
MH 22	Bảo dưỡng hệ thống bôi trơn, làm mát	1
MH 23	Bảo dưỡng hệ thống hiển thị	1
MH 24	Bảo dưỡng hệ thống điều khiển	1
MH 25	Sửa chữa các chi tiết điển hình	4
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 26	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	67

Tổng 67 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung t

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ CƠ KHÍ
2. **Mã ngành, nghề:** 5520152
3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Vật liệu cơ khí	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	38
MH 12	Công nghệ sửa chữa máy công cụ	2
MH 13	Máy cắt kim loại	2
MH 14	Lý thuyết chuyên môn Nghề	3
MH 15	Thực tập Hàn	2
MH 16	Thực tập Tiện-phay-bào	2
MH 17	Lựa chọn phương án công nghệ và vạch dấu chi tiết cần sửa chữa	1
MH 18	Gia công các chi tiết cần sửa chữa bằng dụng cụ cầm tay	8
MH 19	Gia công các chi tiết cần sửa chữa có sự hỗ trợ của máy	3
MH 20	Tháo, lắp máy có độ phức tạp $R < 10$	4
MH 21	Tháo, lắp máy có độ phức tạp $R > 10$	4
MH 22	Bảo trì và sửa chữa hệ thống bôi trơn, làm mát	1
MH 23	Bảo trì và sửa chữa hệ thống hiển thị	1
MH 24	Bảo trì và sửa chữa hệ thống điều khiển	1
MH 25	Sửa chữa các chi tiết điển hình	4
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 26	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	67

Tổng 67 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

2. Mã ngành, nghề: 5340202

3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	52
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	13
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Nguyên lý kế toán	3
MH 10	Nguyên lý thống kê	2
MH 11	Marketing căn bản	2
MH 12	Tài chính tiền tệ	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	34
MH 13	Tài chính doanh nghiệp	3
MH 14	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2
MH 15	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4
MH 16	Tín dụng ngân hàng	2
MH 17	Kế toán ngân hàng	2
MH 18	Marketing ngân hàng	2
MH 19	Thị trường chứng khoán	2
MH 20	Tài chính quốc tế	2
MH 21	Phân tích báo cáo tài chính	2
MH 22	Tài chính công	2
MH 23	Thanh toán quốc tế	2
MH 24	Thuế	2
MH 25	Thực hành tín dụng ngân hàng	2
MH 26	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2
MH 27	Thực hành Kế toán ngân hàng	3
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	5
MH 28	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	5
	Tổng (I+II):	64

Tổng 64 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bị

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP
2. Mã ngành, nghề: 5340307
3. Trình độ đào tạo: Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	52
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	14
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Nguyên lý kế toán	4
MH 10	Nguyên lý thống kê	2
MH 11	Marketing căn bản	2
MH 12	Tài chính tiền tệ	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	33
MH 13	Tài chính hành chính sự nghiệp	3
MH 14	Kế toán hành chính sự nghiệp 1	4
MH 15	Kế toán hành chính sự nghiệp 2	4
MH 16	Quản lý ngân sách Nhà nước	2
MH 17	Kế toán ngân sách xã, phường	3
MH 18	Kế toán ngân sách Nhà nước và nghiệp vụ Kho bạc	3
MH 19	Quản lý tài chính xã, phường	2
MH 20	Kế toán máy	2
MH 21	Nghiệp vụ quản lý kho bạc Nhà nước	2
MH 22	Thực hành Kế toán hành chính sự nghiệp	6
MH 23	Thực hành Kế toán máy	2
II.3	<i>Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)</i>	5
MH 24	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	5
	Tổng (I+II):	64

Tổng 64 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** CHĂN NUÔI THÚ Y

2. **Mã ngành, nghề:** 5620120

3. **Trình độ đào tạo:** Trung cấp

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	12
MH 01	Giáo dục chính trị	2
MH 02	Pháp luật	1
MH 03	Tin học	2
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	1
MH 06	Giáo dục quốc phòng an ninh	2
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	55
II.1	<i>Các môn học, mô đun cơ sở</i>	10
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Phương pháp thí nghiệm	2
MH 09	Dược lý thú y	2
MH 10	Dinh dưỡng và thức ăn CN	1
MH 11	Cơ thể và sinh lý động vật	2
MH 12	Giống và kỹ thuật truyền giống	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	36
MH 13	Chăn nuôi lợn	3
MH 14	Chăn nuôi gia cầm	3
MH 15	Chăn nuôi trâu bò	2
MH 16	Ngoại sản khoa	3
MH 17	Chẩn đoán và bệnh nội khoa	3
MH 18	Bệnh truyền nhiễm	3
MH 19	Bệnh ký sinh trùng	2
MH 20	Kiểm nghiệm súc sản	1
MH 21	Pháp luật chuyên ngành	1
MH 22	Vệ sinh gia súc	1
MH 23	Cơ khí chăn nuôi	2
MH 24	Thực hành Chăn nuôi lợn	2
MH 25	Thực hành Chăn nuôi gia cầm	2
MH 26	Thực hành Chăn nuôi trâu bò	2
MH 27	Thực hành Ngoại sản khoa	1
MH 28	Thực hành Chẩn đoán và bệnh nội khoa	1

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 29	Thực hành Bệnh truyền nhiễm	1
MH 30	Thực hành Bệnh ký sinh trùng	1
MH 31	Thực hành Kiểm nghiệm súc sản	1
MH 32	Thực hành Vệ sinh gia súc	1
II.3	Tốt nghiệp: (HSSV thực hiện Thực tập tốt nghiệp hoặc Đồ án/ chuyên đề tốt nghiệp)	9
MH 33	Thực tập/Đồ án/Chuyên đề tốt nghiệp	9
	Tổng (I+II):	67

Tổng 67 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình).